TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HSST
Ngày: 11-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Võ Văn G, sinh năm 1995, tại Vĩnh Long; nơi cư trú: Số T đường B, Khóm N, Phường M, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Võ Thị P; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: 02 lần. Ngày 21/5/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản. Ngày 24/9/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt G 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" của bản án hình sự sơ thẩm số: 36/2014/HSST ngày 21/5/2014 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long buộc bị cáo chấp hành chung hai bản án là 02 (Hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/10/2017 đến ngày 08/02/2018, bị cáo được tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại:* Trần Lâm S, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số A, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số H đường G, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

2. Ngô Phạm H, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Số B, Khóm H, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

3. Nguyễn Văn Vũ T, Sinh ngày 13/02/2004; Nơi cư trú: Số M, đường E, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

Người đại diện hợp pháp cho Nguyễn Văn Vũ T: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964 (là cha ruột của T); Nơi cư trú: Ấp R, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

4. Lê Bình M, Sinh năm 1997; Nơi cư trú: Số T, đường N, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

5. Lê Thúy H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số L đường C, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

6. Nguyễn Phúc K, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Số A ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

7. Nguyễn Thành K, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Khóm S, thị trấn L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

8. Hà Thị Trúc L, sinh năm 1989; Nơi cư trú: ấp H, xã M, huyện I, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

9. Lương Hùng D, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Khóm B, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long vắng mặt.

10. Phạm Minh V, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số B đường N, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

11. Võ Trọng H, sinh năm 1978; Nơi cư trú: Số M đường H, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

12. Nguyễn Thuận P, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Số O, đường W, Khóm N, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Phạm Văn D, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Số S, Khóm B, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 17/9/2017, Võ Văn G thuê xe Honda khách từ Quãng Trường thành phố V đến tiệm game L M H Q, địa chỉ số: Q, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long chơi game. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 18/9/2017 thì nghỉ. Sau đó, G đi bộ trên đường P theo hướng T Đ C Th M Th đến C V. Khi

đến trước tiệm điện thoại di động Trần L, địa chỉ số: A đường P, Phường B, thành phố V của anh Trần Lâm S làm chủ. Thấy tiệm đóng cửa nhưng vẫn còn đèn sáng, G quan sát qua khe ổ khóa thấy bên trong tiệm không có người trông coi. G leo lên hàng rào nhà cặp bên phải tiệm điện thoại di động Trần L và đi thẳng ra phía sau leo lên một cây thang được dựng sẵn phía sau tiệm điện thoại di động Trần L. G đến được vị trí trần la phong của tiệm điện thoại di động Trần L, G dùng tay phải tháo một tấm la phong vuông ra khỏi trần của tiệm. Sau đó chui qua lỗ trống, đột nhập vào trong tiệm. Khi vào được bên trong tiệm G lấy 01 bịt nilon tại khu vực bếp của tiệm điện thoại Trần L đến vị trí tủ kín trưng bày điện thoại, mở cửa tủ kín ra và lấy 14 cái điện thoại trong tủ gom lại bỏ vào bịt nilon. Sau đó tiếp tục mở 02 hộc tủ phía dưới ra, lấy 6.000.000 đồng tiền Việt Nam đang lưu hành bỏ vào túi quần bên phải của G và nhiều card điện thoại trị giá 5.000.000 đồng bỏ vào bịt nilon. G đến vị trí tủ kín trưng bày điện thoại đặt nằm dọc trong tiệm mở hộc tủ phía dưới ra lấy 12 cái điện thoại của khách cầm cố tại tiệm điện thoại di động Trần L bỏ vào túi nilon và nhanh chóng theo đường đã leo vào thoát ra ngoài. G đi bộ một đoạn lên đến đoạn giữa Cầu Vồng thuê một xe Honda khách chở về nhà của anh Nguyễn Thuận P để xin ngủ nhờ. Khi tới nơi P ra mở cửa cho G vào nhà. P đi ngủ còn G đi ra phía sau nhà anh P đổ 26 cái điện thoại từ bịt nilon ra soạn, lấy các miếng giấy dán bên ngoài 12 cái điện thoại của khách cầm tại tiệm điện thoại di động Trần L gom đốt bỏ, sau đó G vào ngủ.

Đến khoảng 09 giờ sáng ngày 18/9/2017, G lấy cho P 02 cái điện thoại di động cảm ứng và giữ lại 01 cái để sử dụng còn 23 cái điện thoại còn lại G đem đến tiệm điện thoại Minh V, bán cho anh Phạm Minh V với giá 23.000.000 đồng. Khoảng 15 ngày sau, G đem 01 điện thoại còn lại đang xài đến tiệm điện thoại di động H bán cho anh Võ Trung H với giá 2.000.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản số: 136/HĐĐG & TTHS ngày 22/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng thành phố V kết luận tổng trị giá tài sản G lấy trộm là 52.778.000 đồng (26 điện thoại di động trị giá 41.778.000 đồng, card điện thoại trị giá 5.000.000 đồng và tiền Việt Nam đang lưu hành 6.000.000 đồng.)

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày: Vào khoảng 03 giờ ngày 18/9/2017, bị cáo đột nhập vào tiệm điện thoại di động Trần L lấy trộm tài sản của anh Trần Lâm S, gồm: 26 điện thoại di động trị giá 41.778.000 đồng; card điện thoại di động trị giá 5.000.000 đồng và tiền Việt Nam đang lưu hành 6.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo lấy trộm là 52.778.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho anh S số tiền 61.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại Trần Lâm S trình bày: Bị hại đã nhận lại 05 điện thoại, số tài sản còn lại không thu hồi được. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 61.000.000 đồng. Về hình phạt: Bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Vũ T xác định ngày 12/9/2017 có cầm 01 điện thoại di động hiệu HTC màu đen cho anh S với giá 400.000 đồng, anh T đã thỏa thuận xong với bị hại S nên không còn yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, anh Phạm Minh V vắng mặt nhưng trong quá trình điều khai nhận: Chỉ mua của Giàu 10 điện thoại (không nhớ hiệu gì) với giá 7.000.000 đồng, V cũng không biết đây là điện thoại do G trộm có được. Cơ quan điều tra đã thu hồi 01 điện thoại, V tự nguyện giao nộp 04 điện thoại và 05 điện thoại còn lại hiện anh V đã bán cho khách (không nhớ bán cho ai, ở đâu). Anh V cũng không yêu cầu gì đối với bị cáo. Bị cáo G khai nhận: Bị cáo có bán cho anh V 23 điện thoại di động với giá 23.000.000 đồng. Bị cáo không đồng ý trả lại tiền bị cáo đã nhận từ V bán 05 điện thoại mà V đã giao nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Tại phiên tòa, anh Võ Trung H vắng mặt nhưng trong quá trình điều khai nhận: Có mua của Giàu 01 điện thoại (không nhớ hiệu gì) với giá 2.000.000 đồng và anh H cũng không biết đây là điện thoại do G trộm có được. Hiện anh H đã bán điện thoại này cho khách (không nhớ bán cho ai, ở đâu). Bị cáo G khai nhận: Bị cáo có bán cho cho anh Võ Trung H 01 điện thoại di động với giá 2.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thuận P vắng mặt nhưng trong quá trình điều khai nhận: Bị cáo cho anh P 02 điện thoại cảm ứng (không nhớ hiệu gì), anh P không biết 02 điện thoại trên do bị cáo trộm mà có. Hiện anh P đã bán cho người khác (không nhớ bán cho ai, ở đâu). Bị cáo G khai nhận: Bị cáo có cho anh P 02 điện thoại di động và cũng không có yêu cầu P trả lại.

Tại phiên tòa, Huỳnh Ngọc T, Ngô Phạm H, Lê Bình M, Lê Thúy H, Nguyễn Phúc K, Nguyễn Thành K, Hà Thị Trúc L, Lương Hùng D vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra xác định đã thỏa thuận xong với bị hại Trần Lâm S nên không còn yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra cũng đã xác định diễn biến sự việc đúng như cáo trạng đã nêu.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS ngày 27/02/2018, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Võ Văn G về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, khẳng định nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật giữ nguyên việc truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Võ Văn G mức án từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và bị hại. Buộc bị cáo Võ Văn G có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Lâm S số tiền 61.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy 01 (Một) hột quẹt màu xanh và 01 (Một) đôi dép có quai màu nâu.

Về án phí: Buộc bị cáo Võ Văn G nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.050.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác như các biên bản hoạt động điều tra, kết quả tra cứu dấu vân tay của Cục C53- Bộ Công an, biên bản ghi lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và lời khai bị cáo trong suốt quá trình điều tra và cũng như tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, xét có căn cứ để xác định ngày 18/9/2017, bị cáo đột nhập vào tiệm điện thoại di động Trần L lấy trộm tài sản của anh Trần Lâm S và tài sản của khách cầm cho anh Trần Lâm S. Theo kết luận định giá tài sản số: 136/HĐĐG & TTHS ngày 22/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng thành phố V kết luận tổng trị giá tài sản G lấy trộm là 52.778.000 đồng (26 điện thoại di động trị giá 41.778.000 đồng, card điện thoại trị giá 5.000.000 đồng và tiền Việt Nam đang lưu hành 6.000.000 đồng). Do đó, bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 như Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 00 giờ ngày 01/01/2018 và theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, so với điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017,

điều luật mới và điều luật cũ có khung hình phạt bằng nhau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hướng dẫn tại Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử xét áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giải quyết.

[3] Tội phạm do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Tình hình trộm cắp tài sản trong thời gian qua đã làm cho người dân bất an, hoang mang, lo lắng trong việc quản lý tài sản của mình. Để phòng chống loại tội phạm này trong tình hình hiện nay đối với bị cáo cần phải nghiêm trị. Bản chất thích hưởng thụ, lười lao động, không tích cực tham gia sản xuất để tạo ra của cải cho bản thân mà đi trộm cắp tài sản để nhằm phục vụ cho việc tiêu xài cá nhân và phục vụ cho việc chơi game, lợi dụng sơ hở của người bị hại, dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật. Mặc khác, bị cáo biết tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, biết hành vi chiếm đoạt tài sản sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, điều này thể hiện sự xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo với mức án nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra và giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và ngăn đe phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 khi Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo có 02 (Hai) tiền án, chưa được xóa án tích. Xét thấy, bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[6] Đối với hành vi của Phạm Minh V và Võ Trung H không biết tài sản tiêu thụ là do bị cáo phạm tội mà có, không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không có căn cứ để xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại Trần Lâm S yêu cầu bị cáo Võ Văn G bồi thường thiệt hại 61.000.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 61.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy, sự thỏa thuận của bị hại và bị cáo là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

Đối với Huỳnh Ngọc T, Ngô Phạm H, Lê Bình M, Lê Thúy H, Nguyễn Phúc K, Nguyễn Thành K, Hà Thị Trúc L, Lương Hùng D vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra xác định đã thỏa thuận xong với bị hai Trần Lâm S, không còn yêu cầu gì thêm đối với anh Trần Lâm S, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với Phạm Minh V và Võ Trung H không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Xử lý vật chứng: Đối với 01 (Một) hột quẹt màu xanh và 01 (Một) đôi dép có quai màu nâu không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

[9] Về hình phạt bổ sung: Đây là loại tội phạm ngoài hình phạt chính còn có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện game, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, có hoàn cảnh khó khăn nên miễm hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố V là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, khoản 1 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Võ Văn G 03 (Ba) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 12/10/2017 đến ngày 08/02/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận của bị hại Trần Lâm S và bị cáo Võ Văn G. Bị cáo Võ Văn G có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Trần Lâm S số tiền 61.000.000đ (Sáu mươi mốt triệu đồng).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 12/02/2018 giữa Công an thành phố V với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được xử lý như sau:

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (Một) hột quẹt màu xanh và 01 (Một) đôi dép có quai màu nâu.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 23, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Văn G phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 3.050.000đ (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Vũ T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Ngọc T, Ngô Phạm H, Lê Bình M, Lê Thúy H, Nguyễn Phúc K, Nguyễn Thành K, Hà Thị Trúc L, Lương Hùng D, Phạm Minh V, Võ Trọng H, Nguyễn Thuận P và người đại diện hợp pháp của Nguyễn Văn Vũ T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an TP V;
- Viện kiểm sát TP V;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS TP V:
- UBND phường N, TP V;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Quan